

Bài 3: Ca Dao, Tục Ngữ

TỤC NGỮ

Tục: thói quen lâu đời trong dân chúng.

Ngữ: lời nói.

Tục ngữ là những câu nói gọn ghẽ và có ý nghĩa được nhiều người dùng, truyền từ đời này sang đời khác. Tục ngữ còn có thể phân biệt thành hai loại:

- a) **Ngạn ngữ**: Lời nói do người xưa truyền lại (*ngạn*: lời người xưa). Ngạn ngữ hay tục ngữ khi có mục đích thuần túy giáo dục thì gọi là *cách ngôn* (lời nói dùng làm khuôn thước).
- b) **Phương ngôn**: Tục ngữ chỉ thông dụng trong một địa phương.

Ví dụ:

*Quảng Nam hay cãi,
Quảng Ngãi hay co,
Bình Định hay lo,
Thừa Thiên ních hết.*

HÌNH THỨC

Tục ngữ thường theo những hình thức dưới đây:

1. Có vần nối liền giữa câu (vần liền): *Ăn cây nào, rào cây nấy.*
2. Có vần cách chữ trong câu (vần cách): *Không thấy đổ mà làm nên.*
3. Có yêu vận giữa hai câu:
 - *Cá không ăn muối cá won,
Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.*
 - *Không ai giàu ba họ,
Có ai khó ba đời?*
4. **Không vần**: *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.*
5. **Có đối**: *Bán anh em xa, mua láng giềng gần.*

NỘI DUNG

Tục ngữ thường có tính cách giáo dục. Đó là những lời mà ông bà cha mẹ khuyên răn con cháu hay là những kinh nghiệm khôn ngoan của những bậc tiền bối lưu truyền lại cho kẻ hậu sinh. Vì vậy, tục ngữ bao hàm nhiều vấn đề:

1. Về luân thường đạo lý:

- *Đói cho sạch, rách cho thơm.*
- *Ăn cây nào, rào cây nấy.*
- *Anh em như thể tay chân.*
- *Uống nước nhớ nguồn.*

2. Về phép xử thế:

- *Ăn trông nồi, ngồi trông hướng.*
- *Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe.*
- *Nhất có râu, nhì bầu bụng.*

3. Về kinh nghiệm trường đời:

- *Có chồng như gông đeo cổ.*
- *Có tiền mua tiên cũng được.*
- *Khôn ba năm, dại một giờ.*

4. Về tâm lý người đời:

- *Thương thì trái ấu cũng tròn,*
- *Ghét thì bò hòn cũng méo.*
- *Gần sợ dạ, lạ sợ áo quần.*
- *Gần chùa kêu bụt bằng anh.*

5. Về phong tục tập quán:

- *Phép vua thua lệ làng.*
- *Lễ quanh năm không bằng rằm tháng Giêng.*
- *Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng.*

6. Về thời tiết và mùa màng:

- *Mỡ gà thì gió, mỡ chó thì mưa.*
- *Con đặng đông, vừa trông vừa chạy,*
- *Con đặng nam, vừa làm vừa chơi.*
- *Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa.*

7. Về những nhận định thông thường:

- *Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm.*
- *Gái mười bảy bẻ gãy sừng trâu.*
- *Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò.*

THÀNH NGỮ

Thành ngữ là những lời nói được nhiều người quen dùng. Thành ngữ khác với tục ngữ vì thành ngữ thường được lồng trong một câu và tự nó chưa được đầy đủ ý nghĩa. Thành ngữ thường được dùng để chỉ tính chất đặc biệt của một người hay một sự việc.

Ví dụ:

Nhanh như chớp.

Chậm như rùa.

Trơ mắt ếch.

Anh hùng rom.

Mới mở cửa mả (= rất lù đù, khù khờ).

CA DAO

Ca dao – *Ca* tức là hát, ngân giọng. *Dao* là lời hát, bài hát không có chương khúc nhất định, không theo quy luật chặt chẽ. Vậy ca dao là những bài hát với hình thức phóng túng do dân quê ca hát trong những sinh hoạt thường nhật như trong lúc gĩa gạo, chèo đò, kéo gỗ, tát nước, ru em, v.v..

- **Phong dao** – Ca dao còn được gọi là phong dao khi mô tả phong tục tập quán của dân quê (*Phong* = phong tục).
- **Đồng dao** – (*Đồng* = trẻ con) là những bài ca dao do trẻ con ca hát.

Cũng như tục ngữ, ca dao thuộc về văn chương bình dân, được lưu truyền trong dân chúng, vì vậy còn được gọi là văn chương truyền khẩu, và không rõ ai là tác giả.

HÌNH THỨC

Nói đến ca dao người ta nghĩ ngay đến hai thể thơ: lục bát và lục bát biến thể. Tuy nhiên, không hẳn ca dao chỉ ở hai thể thơ đó mà thôi. Có những bài ca dao theo thể thơ song thất lục bát và song thất lục bát biến thể hoặc ở các thể khác. Nhưng dù ở thể thơ nào mặc lòng, ca dao cũng không hoàn toàn gò bó theo quy luật của thể thơ đó. Ca dao thường dùng các thể văn sau đây:

Nói Lối:

*Lạy trời mưa xuống,
Lấy nước tôi uống,
Lấy ruộng tôi cày,
Lấy bát cơm đầy,
Lấy khúc cá to.*

Lục Bát:

Lục bát chính thức:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng.
Nhị vàng bông trắng lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

Lục bát biết thức:

Công anh đắp nắm, trông chanh,
Chẳng được ăn quả, vin cành cho cam.
Xin đừng ra dạ bắc nam,
Nhất nhật bất kiến như tam thu hề¹.
Huống tam thu nhi bất kiến hề²,
Đường kia nổi nọ như chia mối sầu.
Chắc về đâu đã hẳn hơn đâu,
Cầu tre vững dịp hơn cầu thượng gia³.
Bắc thang lên hỏi trăng già,
Phải rằng phận gái hạt mưa sa giữa trời?
May ra gặp được giếng khơi,
Vừa trong vừa mát lại nơi thanh nhàn.
Chẳng may số phận gian nan,
Làm than cũng chịu, dễ phàn nàn cùng ai?
Đã yêu nhau giá thú bất luận tài⁴.

Song Thất Lục Bát:

Song thất lục bát chính thức:

Bác mẹ già phơ phơ đầu bạc.
Con chàng còn trúng nước thơ ngây.
Có hay chàng ở đâu đây,
Thiếp xin mượn cánh chấp bay theo chàng.

Song thất lục bát biến thức:

Cờ bạc nó đã khinh anh,
Áo quần bán hết một manh chẳng còn.
Gió đông nam chui vào đóng rạ,
Hở mộng ra cho quạ nó lôi.
Anh còn cờ bạc nữa thôi!

¹ Một ngày không gặp, như ba thu (Kinh Thi).

² Đã ba thu rồi không gặp.

³ Cầu thượng gia là cầu bên trên có mái như mái nhà.

⁴ Việc giá thú không bàn đến tiền của.

KỸ THUẬT SÁNG TÁC

Ca dao có ba lối khai triển đề tài mà người ta gọi là ba thể của ca dao:

1. **Thể phú:** Trong thể này người ta trình bày thẳng những người hay việc mà người ta định nói.

Ví dụ:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng.*

Phú: Tả bông sen trong đầm.

2. **Thể tỉ:** (tỉ: so sánh) Trong thể này muốn nói ý gì người ta không thể nói thẳng ra, lại mượn một sự vật khác có ý tương tự để cho người nghe suy ngẫm mà hiểu lấy cái ngụ ý ấy.

Ví dụ:

*Thân em như hạt mưa sa,
Hạt ra đồng ruộng, hạt vào giếng khơi.*

Tỉ: So sánh thân phận người con gái với hạt mưa.

3. **Thể hứng:** Trong thể này, trước hết người ta tả một vật gì, rồi mới nhân cái hứng vật ấy gây ra mà trình bày ý mình muốn nói.

Ví dụ:

*Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em lấy chồng anh tiếc lắm thay!...*

Ngoài ra, ca dao còn có thể được sáng tác hỗn hợp hai hay ba lối trên đây.

Ví dụ:

- *Phú và tỉ:*

*Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá sen, bông trắng, lại chen nhị vàng.
Nhị vàng, bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

Phú: Ba câu đầu tả sen trong đầm.

Tỉ: Câu cuối so sánh hoa sen với người quân tử.

- *Phú, hứng, và tỉ:*

*Qua đình ngả nón trông đình
Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu.*

Phú: Kể chuyện đi ngang qua đình, nhìn vào đình.

Hứng: Nhân thấy ngôi đình mà nhớ đến người yêu.

Tỉ: So sánh ngói lợp đình trùng trùng lớp lớp với tình yêu thắm thiết bao la.

NỘI DUNG

Nội dung ca dao rất phong phú. Có những bài ca dao ca tụng tình yêu thương giữa trai gái, lòng ái quốc; có những bài ca dao dạy luân thường đạo lý, mô tả phong tục hay nếp sống của người dân; có những bài ca dao trào phúng mỉa mai sự đời; v.v.. Tuy nhiên ai cũng công nhận rằng, mặc dù ca dao là văn chương bình dân truyền khẩu nhưng tình ý rất sâu sắc thâm trầm.

BÀI TRÍCH

Những Câu Hát Về Tình Cảm Gia Đình

1. Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông.
Núi cao biển rộng mênh mông,
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!

2. Ngó lên nuộc lạt mái nhà,
Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.

3. Anh em nào phải người xa,
Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân.
Yêu nhau như thể tay chân,
Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.



Những Câu Hát Về Tình Yêu Quê Hương, Đất Nước, Con Người

1. Ở đâu **năm cửa** nàng ơi
Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng?
Sông nào bên đục, bên trong?
Núi nào **thắt cổ bông** mà có thánh sinh?
Đền nào thiêng nhất xứ Thanh
Ở đâu mà lại có thành tiên xây?
Thành Hà Nội năm cửa chàng ơi
Sông Lục Đầu sáu khúc nước chảy xuôi một dòng.
Nước **sông Thương** bên đục bên trong,
Núi Đứơc Thánh Tản thắt cổ bông lại có thánh sinh.
Đền Sòng thiêng nhất xứ Thanh
Ở trên tỉnh Lạng có thành tiên xây.

2. Rủ nhau xem cảnh **Kiểm Hồ**,
Xem **cầu Thê Húc**, xem **chùa Ngọc Sơn**
Đài Nghiên, Tháp Bút chưa mòn,
Hỏi ai gây dựng nên non nước này?

3. Đường vô xứ Huế quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.
Ai vô xứ Huế thì vô...

4. Đứng bên **ni đồng**, ngó bên **tê đồng**, mênh mông bát ngát,
Đứng bên **tê đồng**, ngó bên **ni đồng**, bát ngát mênh mông.
Thân em như **chẽn lúa đòng đòng**,
Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.

Chú Thích

- Năm cửa:* Năm cửa ô của Hà Nội (Ô Chợ Dừa, Ô Cầu Giấy, Ô Quan Chưởng, Ô Cầu Dền, Ô Đống Mác).
- Thắt cổ bông:* Eo, thót ở giữa như hình cái bông (bông: một nhạc cụ, hai đầu bịt như mặt trống, chính giữa thắt eo). Ví dụ: mâm bông thường dùng để xếp ngũ quả trên bàn thờ.
- Sông Lục Đầu:* Quãng sông do sông Thương, sông Cầu, sông Lục Nam, sông Đuống, sông Kinh Môn, sông Thái Bình gặp nhau tạo thành. Tên sông Lục Đầu gợi nghĩ đến chiến thắng Vạn Kiếp lẫy lừng của Trần Hưng Đạo chống quân Mông-Nguyên xưa kia.
- Sông Thương:* Con sông có đoạn chảy qua thị xã Bắc Giang, ở đây đặc điểm “nước chảy đôi dòng” (bên đục, bên trong) của sông Thương nổi rõ hơn cả.
- Núi Đức Thánh Tản:* Tức núi Tản Viên (Ba Vì). Theo truyền thuyết, Sơn Tinh hoá phép khiến núi thắt cổ bông, để ngăn không cho Thủy Tinh dâng nước lên.
- Đền Sòng:* Đền thờ Bà Chúa Liễu Hạnh, ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Lễ hội đền Sòng (mở vào tháng 3 âm lịch) là một trong những lễ hội lớn ở miền Bắc.
- Kiểm Hồ:* Tức Hồ Gươm hoặc Hồ Hoàn Kiếm.
- Cầu Thê Húc:* Cầu dẫn từ bờ Hồ Gươm vào “chùa Ngọc Sơn”, sơn màu đỏ, dáng vòng cong, trông như đang đón nhận ánh sáng ban mai (*thê*: đậu lại, *húc*: ánh sáng mặt trời mới mọc).
- Chùa Ngọc Sơn:* Tên gọi cũ của đền Ngọc Sơn.
- Đài Nghiên:* Đài mang hình nghiên mực (mực để viết chữ nho) trên cổng chùa Ngọc Sơn;
- Tháp bút:* Tháp trên đài xây hình cây bút (bút lông để viết chữ Nho). Từ xa nhìn, nhiều lúc thấy hình ngọn bút tháp “chắm” vào Đài Nghiên.
- Ni:* Này (tiếng địa phương của miền Trung).
- Tê:* Kia (tiếng địa phương của miền Trung).
- Lúa đòng đòng:* Lúa sắp trở bông.

Những Câu Hát Than Thân

1. Nước non **lận đận** một mình,
Thân cò lên **thác** xuống **ghềnh** bấy nay.
Ai làm cho **bể** kia **đầy**,
Cho **ao** kia **cạn**, cho gầy cò con?

2. Thương thay thân phận con tầm,
Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ.
Thương thay lũ kiến li ti,
Kiếm ăn được mấy phải đi tìm mồi.
Thương thay **hạc** lánh đường mây,
Chim bay mỗi cánh biết này nào thôi.
Thương thay **con cuốc** giữa trời,
Dâu kêu ra máu có người nào nghe.

3. Thân em như **trái bần** trôi,
Gió **dập** sóng dôi biết tấp vào đâu.

Chú Thích

- Lận đận:** Vất vả vì gặp quá nhiều khó khăn, mắc trở.
- Thác:** Chỗ dòng nước chảy xiết, vượt qua vách đá cao chắn ngang sông, suối, làm nước đổ mạnh xuống.
- Ghềnh:** Chỗ lòng sông bị thu hẹp và nông, có đá lờm chờm nhô cao và nằm chắn ngang làm cho dòng nước dôn lại và chảy xiết.
- Bể đầy, ao cạn:** Chỉ cảnh ngang trái (nghĩa bóng). Trong thực tế, khi “bể đầy”, “ao cạn” thì cò rất khó kiếm ăn.
- Hạc:** Chim lớn, cẳng cao, cổ và mỏ dài, thường được dùng tượng trưng cho sự sống lâu. Ở đây là hình ảnh ẩn dụ nói về cuộc đời phiêu bạt và những cố gắng vô vọng của người những người nghèo khổ trong xã hội.
- Con cuốc:** Chim nhỏ, hơi giống gà, sống ở bờ bụi gần nước, có tiếng kêu “cuốc, cuốc.” Tiếng kêu chim cuốc trong bài biểu hiện cho nỗi khổ đau oan trái của người nghèo khổ.
- Trái bần:** Trái (quả) của cây bần, loại cây to mọc ở vùng nước lợ, trái tròn dẹt, ăn chua và chát, có rễ phụ nhọn và xóp, mọc ngược lên khỏi mặt bùn.
- Dập:** Va mạnh hoặc làm cho va mạnh, ở đây ý nói gió to.

Những Câu Hát Châm Biếm

1. *Cái cò lặn lội bờ ao*
Hỡi cô yếm đào lấy chú tôi chăng?
*Chú tôi hay **tửu** hay **tấm**,*
Hay nước chè đặc, hay năm ngũ trưa.
Ngày thì ước những ngày mưa,
*Đêm thì ước những đêm thừa **trống canh**.*

Con cò chết rũ trên cây,
Cò con mở lịch xem ngày làm ma.
***Cà cuống** uống rượu la đà,*
***Chim ri** riu rít bò ra lấy phân,*
***Chào mào** thì đánh trống quân*
***Chim chích** cỏi trần, vác mỗ đi rao.*

*Cậu **cai** nón dẫu lông gà,*
*Ngón tay đeo nhẫn gọi là **cậu cai**.*
Ba năm được một chuyến sai,
Áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê.

Chú Thích

- Cô yếm đào:* Yếm màu hoa đào (*yếm*: đồ mặc lót che ngực của phụ nữ thời xưa).
- Tửu, tấm:* (*Tửu*: rượu; *tấm*: bột sủi lên.) Đây là cách nói hoán dụ, dùng ghép từ *tấm* với từ *tửu* để chỉ rượu.
- Ngày thì ước những ngày mưa:* Ý nói để khỏi đi làm.
- Trống canh:* Mỗi đêm có năm canh, sau mỗi canh có điểm trống; ước đêm nhiều (thừa) trống canh để được ngủ thêm.
- Cà cuống:* Côn trùng sống ở hồ vục và ruộng nước sâu, thân hình lá, dẹt, mỏng, đầu vàng nhạt, bụng màu nâu xỉn, phần ngực con đực có hai túi chứa tinh dầu mùi thơm, vị cay.
- Chim ri:* Chim hình giống như chim sẻ, mỏ đen và to.
- Chào mào:* Chim nhỏ, đầu có túm lông nhọn, dưới đuôi có túm lông đỏ.
- Đánh trống quân:* Đánh trống đệm nhịp cho điệu hát trống quân, một điệu ca phổ biến ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ.
- Chim chích:* Chim nhỏ, ăn sâu bọ, sống ở vùng đồng bằng, trung du.
- Cai:* Tức cai lệ, chức thấp nhất trong quân đội thời phong kiến.

BÀI ĐỌC THÊM

Công Ôn Cha Mẹ

- 1. Đội ơn chín chữ cù lao,
Sinh thành kẻ mấy non cao cho bằng.
Trời ơi, có thấu tình chẵng?
Bước sang mười sáu ông trăng gần già.*
- 2. Cây khô chưa dễ mọc chồi,
Bác mẹ chưa dễ ở đời với ta.
Non xanh bao tuổi mà già,
Bởi vì sương tuyết hóa ra bạc đầu.*
- 3. Gió đưa cành cửu lý hương,
Từ xa cha mẹ thất thường bữa ăn.
Sầu riêng, cơm chẳng buồn ăn,
Đã bung lầy bát, lại dần xuống mâm.*

Nụ Tâm Xuân

*Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà, hái nụ tâm xuân.
Nụ tâm xuân nở ra xanh biếc,
Em đã có chồng, anh tiếc lắm thay!
Ba đồng một mớ trâu cày,
Sao anh không hỏi từ ngày còn không?
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra.*

Mấy Bài Học Khôn

- 1. Bức thang lên đến cung mây,
Hỏi: Sao Cuội phải áp cây cả đời?
Cuội nghe thấy nói, Cuội cười:
Bởi hay nói dối phải ngồi gốc cây.*

2. Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng,
Đèn ra ngoài gió, còn chẳng hời đèn?
Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn,
Có sao trăng lại phải luôn đám mây?

3. Anh ơi anh ở lại nhà,
Thôi đừng cờ bạc nữa mà hư thân.
Tham chi những của phù vân.
Nhờ ra công nợ nhiều phần xấu xa.
Cờ bạc nó đã khinh anh,
Áo quần bán hết một manh chẳng còn.
Gió đông nam chui vào đóng rạ.
Hở mộng ra cho quạ nó lôi.
Anh còn cờ bạc nữa thôi?

4. Ở sao cho vừa lòng người?
Ở rộng người cười, ở hẹp người chê.
Con chó chê khi lắm lông,
Khỉ lại chê chó hay đông, hay dài.
Lươn ngắn lại chê trạch dài,
Thờn bơn méo miệng chê trai trêch mồm.
Cao chê ngồng, thấp chê lùn,
Béo chê béo trọc, béo tròn,
Gầy chê xương sống, xương sườn phơi ra.

Dù ai nói đông nói tây,
Thì ta cũng vững như cây giữa rừng.
Dù ai nói ngả nói nghiêng,
Thì ta cũng vững như kiềng ba chân.

6. Đi đâu mà vội mà vàng,
Mà vấp phải đá mà quàng phải dây.
Thùng thỉnh như chúng anh đây,
Chẳng đá nào vấp, chẳng dây nào quàng.

7. Yêu nhau thời ném bã trầu,
Ghét nhau ném đá vỡ đầu nhau ra.
Yêu nhau cau bẫy bỏ ba,
Ghét nhau cau bẫy bỏ ra làm mười.

Cái Cò

1. Cái cò, cái vạc, cái nông,
Sao mày giã lúa nhà ông, hỡi cò.
Không, không, tôi đứng trên bờ,
Mẹ con cái vạc đổ ngờ cho tôi.
Chẳng tin thì ông đi đòi,
Mẹ con nhà nó còn ngồi đây kia.

2. Cái cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm, lộn cổ xuống ao.
Ông ơi, ông vớt tôi nao.
Tôi có lòng nào, ông hãy sáo măng.
Có sáo thì sáo nước trong,
Chớ sáo nước đục, đau lòng cò con.

3. Cái cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ non.
Nàng về nuôi cái cùng con,
Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng.
Châu đi, đá lại dùng dằng,
Nửa nhớ Cao Bằng nửa nhớ vợ con.
Đi thì nhớ vợ, nhớ con,
Về thì nhớ củ khoai môn trong rừng.

4. Cái cò là cái cò con,
Mẹ đi xúc tép để con ở nhà.
Mẹ đi một quãng đường xa,
Mẹ xà chân xuống phải mà ánh lươn.
Ông kia có cái thuyền nan,
Chở vào ao rậm xem lươn bắt cò.
Ông kia chống gậy lò rò,
Con lươn thụt xuống, con cò bay lên.

5. Cái cò chết tối hôm qua,
Có hai hạt gạo với ba đồng tiền.
Một đồng mua trống mua kèn,
Một đồng mua mỡ đốt đèn thờ vong.
Một đồng mua mớ rau rong,
Đem về thái nhỏ, thờ vong con cò.

Câu Duyên

*Hôm qua tát nước đầu đình,
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.
Em được thì cho anh xin,
Hay là em để làm tin trong nhà?
Áo anh sứt chỉ đường ta,
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.
Áo anh sứt chỉ đã lâu,
Nay mượn cô ấy về khâu cho cùng.
Khâu rồi anh sẽ trả công,
Ít nữa lấy chồng, anh sẽ giúp cho.
Giúp em đôi thúng xôi vò,
Một con lợn béo, một vò rượu tăm.
Giúp em đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi trằm em đeo.
Giúp em quan tám tiền cheo,
Quan năm tiền cưới lại đèo bông cau.*